TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NINH BÌNH
TỈNH NINH BÌNH

Bản án số: 03/2022/ HNGĐ-ST
Ngày 28-01-2022
V/v: Ly hôn.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHIA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NINH BÌNH, TỈNH NINH BÌNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tươi
2. Bà Quách Thị Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Tô Thị Phương Liên - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân– Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 144/2021/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2021 về việc: Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/QĐXXST - HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2022/QĐHPT - HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: chị Đoàn Thị Thu M sinh năm 1976; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số nhà 26, đường 3, phố T, phường T, thành phố N, tỉnh Ninh Bình; địa chỉ: số nhà 55, ngõ 281, đường H, phố Y, phường K, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

- *Bị đơn*: Anh Hoàng Phong T sinh năm 1976; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số nhà 26, đường 3, phố T, phường T, thành phố N, tỉnh Ninh Bình; địa chỉ: Số nhà 10, ngách 68/212, đường O, phố N, phường T, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Đoàn Thị Thu M trình bày: Chị và anh Hoàng Phong T sau 2 năm tự do tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn vào ngày 17 tháng 10 năm 2000 tại Ủy ban nhân dân phường Phúc Thành, thành

phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 2 năm mặc dù anh T đã vướng vào nợ nần do cờ bạc, không quan tâm đến vợ con. Những năm sau đó anh T thường xuyên vướng vào nợ nần để các chủ nợ đến nhà đòi nợ liên tục nên đến năm 2010 vợ chồng chị mâu thuẫn căng thẳng. Chị cùng gia đình đã nhiều lần khuyên ngăn và phải đứng lên để trả nợ thay cho anh T nhưng anh T vẫn cứ vướng vào nợ nần hết lần này đến lần khác. Năm 2017 chị đã làm đơn ly hôn với anh T và Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình đã thụ lý giải quyết. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh T hứa thay đổi bản thân nên chị đã rút đơn khởi kiện để cho anh T thêm cơ hội sửa chữa, vợ chồng đoàn tụ với nhau và Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Nhưng từ đó đến nay anh T vẫn không thay đổi, vẫn vướng vào nợ nần, không chăm lo được cho cuộc sống gia đình. Chị không biết từ tháng 7/2021 đến nay anh T làm gì, ở đâu và anh chị không có biện pháp nào khắc phục được mâu thuẫn. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng chị đã thật sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Phong T.

Về con chung: chị và anh T có 1 con chung là cháu Hoàng Hồng H sinh ngày 11/10/2001; cháu H đã trưởng thành, tự lập được cuộc sống nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: chị và anh Hoàng Phong T không có tài sản chung và công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho anh Hoàng Phong T theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T chỉ có 01 đơn đề nghị (về việc xin vắng mặt theo giấy mời) có nội dung đề nghị Tòa hoãn thời gian anh T có mặt tại Tòa vào tháng 10/2021. Anh T không có văn bản ý kiến và không giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án; anh T không đến Tòa án làm tự khai, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng : Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán , Hội đồng xét xử , Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án : Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị Thu M. Cho chị Đoàn Thị Thu M được ly hôn với anh Hoàng Phong T.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: chị Đoàn Thị Thu M phải nộp 300.000 đồng, được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Ninh Bình (Biên lai số AA/2021/0000601 ngày 12/7/2021).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn là chị Đoàn Thị Thu M có yêu cầu Ly hôn với anh Hoàng Phong T, có nơi cư trú tại phường Phúc Thành, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình. Đây là tranh chấp về ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn là anh Hoàng Phong T đã được Toà án triệu tập hợp lệ mà vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của các đương sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án;

[3.1] Quan hệ hôn nhân: quan hệ hôn nhân giữa chị Đoàn Thị Thu M và anh Hoàng Phong T là hợp pháp. Căn cứ vào lời khai của chị M, kết quả xác minh tại địa phương và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử xét thấy như sau: Quá trình chung sống giữa chị M và anh T xảy ra mâu thuẫn trầm trọng do anh Tvướng vào nợ nần, chị M và gia đình đã nhiều lần phải trả nợ cho anh Tùng. Năm 2017 chị M đã làm đơn xin ly hôn anh T tại Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình sau đó chị đã rút đơn để hàn gắn tình cảm gia đình. Tuy nhiên do mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được, chị M và anh T không còn sống chung với nhau từ tháng 5/2021 cho đến nay. Tại phiên tòa chị M vẫn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Đối với anh T mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của chị M đã chứng tỏ anh T không có

thiện chí trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy có cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh T đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu ly hôn của chị M có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3.2] Về con chung: chị Đoàn Thị Thu M và anh Hoàng Phong T có 1 con chung là cháu Hoàng Hồng H sinh ngày 11/10/2001 đã trưởng thành, tự lập được cuộc sống nên chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3.3] Về tài sản: chị Đoàn Thị Thu M xác định chị và anh Hoàng Phong T không có tài sản chung và công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh T không có ý kiến và không cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến quan hệ tài sản. Vì vậy, không đặt ra giải quyết quan hệ về tài sản.

[4] Án phí: căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Đoàn Thị Thu M phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Đoàn Thị Thu M và anh Hoàng Phong T được ly hôn. Quan hệ hôn nhân giữa chị Đoàn Thị Thu M và anh Hoàng Phong T chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Án phí: chị Đoàn Thị Thu M phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0000601 ngày 12 tháng 07 năm 2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

3. Quyền kháng cáo: nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28-01-2022); bị đơn vắng mặt có quyền kháng

cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự
-TAND tỉnh Ninh Bình;
-VKSND thành phố Ninh Bình;
- Chi cục THA DS thành phố Ninh Bình;
- UBND phường Phúc Thành, thành phố Ninh Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI DỒNG XET XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Phương